**TẮC RUỘT SƠ SINH**

**nguồn: sưu tầm**

1. **Tắc ruột sơ sinh theo quy định là những tắc ruột xảy ra trong:**
2. 5 ngày đầu của đời sống
3. 7 ngày đầu của đời sống
4. 10 ngày đầu của đời sống
5. 15 ngày sau sinh đầu của đời sống
6. Thời kỳ sơ sinh
7. **Trẻ sơ sinh xuất hiện dấu hiệu chậm phân su khi không thấy phân su ra ở hậu môn trẻ sau sinh** :
8. 8 giờ
9. 24 giờ
10. 36 giờ
11. 48 giờ
12. 72 giờ
13. **Trong các loại tắc ruột sơ sinh sau đây, loại nào do nguyên nhân nội tại :**
14. Teo ruột
15. Tắc ruột do dính
16. Tắc ruột do dây chằng
17. Tắc ruột do viêm phúc mạc bào thai
18. Tắc ruột do nút nhầy phân su
19. **Trong các loại tắc ruột sơ sinh sau đây, loại nào do nguyên nhân ngoại lai :**
20. Teo ruột
21. Tắc ruột do dính
22. Tắc ruột phân su
23. Tắc ruột do nút nhầy phân su
24. Tắc ruột do bệnh Hirschsprung
25. **Trong các loại tắc ruột sơ sinh sau đây loại nào do nguyên nhân cơ năng**
26. Teo ruột
27. Tắc ruột do dính
28. Tắc ruột phân su
29. Tắc ruột do bệnh Hirschsprung
30. Tắc ruột do viêm phúc mạc bào thai
31. **Teo ruột thường hay gặp nhất ở đoạn** :
32. Đầu hỗng tràng
33. Cuối hổng tràng
34. Đầu hồi tràng
35. Cuối hồi tràng
36. Đại tràng
37. **Teo ruột có các triệu chứng rất giống với tắc ruột phân su, duy chỉ có khác ở dấu hiệu**
38. Nôn ra dịch mật
39. Thăm trực tràng chỉ có các kết thể nhầy trắng
40. X quang có mức hơi nước điển hình
41. Bụng chướng
42. Tuần hoàn bàng hệ
43. **Cơ chế bệnh sinh của teo ruột được giải thích là do:**
44. Di truyền
45. Nhiễm siêu vi trùng trong thời kỳ bào thai
46. Nhiễm độc tia xạ trong thời kỳ bào thai
47. Tai nạn mạch máu trong thời kỳ bào thai
48. Nhiễm hoá chất trong thời kỳ bào thai
49. **Chẩn đoán sớm nhất của tắc ruột sơ sinh dựa vào**:
50. Xét nghiệm nhiễm sắc thể
51. Xét nghiệm tế bào học
52. Siêu âm bào thai
53. Xét nghiệm gen di truyền
54. Chụp X quang bào thai
55. T**rong các triệu chứng lâm sàng sau đây, triệu chứng báo động cho tắc ruột sơ sinh là:**
56. Nôn
57. Bụng chướng
58. Chậm đi phân su sau 24 giờ
59. Tràn dịch màng tinh hoàn 2 bên
60. Thăm trực tràng không có phân su
61. **Nghiệm pháp tìm tế bào sừng và lông tơ trong phân su của trẻ nghi ngờ tắc ruột sơ sinh có tên là:**
62. Nghiệm pháp Farber
63. Nghiệm pháp Schwachman
64. Nghiệm pháp Soave
65. Nghiệm pháp Valsalva
66. Nghiệm pháp White
67. **Hình ảnh X quang điển hình của tắc tá tràng bẩm sinh:**
68. Hình ảnh các mức hơi nước
69. Hình ảnh hai bóng hơi
70. Hình ảnh dạ dày tá tràng giãn trướng hơi
71. Hình ảnh thuốc không xuống ở ruột non
72. Hình ảnh ứ đọng thuốc ở dạ dày
73. **Cơ chế chính gây tắc ruột trong viêm phúc mạc bào thai là:**
74. Liệt ruột
75. Thiếu hạch phó giao cảm trong thành ruột
76. Do chèn ép từ bên ngoài
77. Do các kết thể phân su
78. Do nguyên nhân thần kinh
79. **Dây chằng LADD là nguyên nhân chính gây ra:**
80. Tắc môn vị
81. Tắc tá tràng
82. Tắc hỗng tràng
83. Tắc hồi tràng
84. Tắc đại tràng
85. **Phương pháp khâu nối ruột tận bên và có dẫn lưu đầu trên trong điều trị teo ruột và tắc ruột phân su có tên là**:
86. Phương pháp Bishop - Koop
87. Phương pháp Santulli
88. Phương pháp Mickulicz
89. Phương pháp Swenson
90. Phương pháp Hartmann
91. T**rong các triệu chứng sau đây, triệu chứng nào là đặc thù cho bệnh Hirschsprung:**
92. Chậm đi phân su
93. Bụng chướng, tuần hoàn bàng hệ
94. X qung đại tràng có hình phễu
95. X quang bụng có hình "bọt xà phòng" ở hố chậu phải
96. X quang bụng có mức hơi nước điển hình
97. **Trong các triệu chứng sau, triệu chứng nào là đặc thù cho bệnh tắc ruột phân su :**
98. Chậm đi phân su
99. Bụng chướng, tràn dịch màng tinh hoàn hai bên
100. X quang đại tràng có hình phễu
101. X quang bụng có hình "bọt xà phòng" ở hố chậu phải.
102. X quang bụng có mức hơi nước điển hình
103. **Viêm phúc mạc bào thai có các triệu chứng giống với tắc ruột do dính bẩm sinh, ngoại trừ dấu hiệu** :
104. Nôn mửa
105. Chậm đi phân su
106. Thăm trực tràng
107. X quang bụng
108. X quang đại tràng cản quang
109. **Dấu hiệu "tháo cống" là dấu hiệu đặc thù của bệnh :**
110. Teo ruột
111. Tắc ruột phân su
112. Tắc ruột do dây chằng
113. Viêm phúc mạc bào thai
114. Bệnh Hirschsprung
115. **Trong các loại tắc ruột sơ sinh, căn bệnh nào sau đây được xem như là biểu hiện sớm của bệnh Mucoviscidose :**
116. Teo ruột
117. Tắc ruột phân su
118. Tắc ruột do dây chằng
119. Tắc ruột do dính
120. Hội chứng nút nhầy phân su
121. **Trong các loại tắc ruột sơ sinh, căn bệnh nào trong điều trị không cần phẫu thuật mà chỉ điều trị nội khoa đơn thuần :**
122. Tắc ruột do dính
123. Tắc ruột do Mégacolon
124. Tắc ruột do nút nhầy phân su
125. Tắc ruột do dây chằng
126. Tắc ruột do teo ruột
127. **Phương pháp thụt tháo thử đại tràng bằng dung dịch gastrographine trong điều trị tắc ruột phân su có tên là :**
128. Phương pháp Swenson
129. Phương pháp Noblett
130. Phương pháp Duhamel
131. Phương pháp Denis Brawn
132. Phương pháp Bishop-koop
133. **Phương pháp cắt nối ruột tận bên có dẫn lưu đầu dưới trong điều trị teo ruột và tắc ruột phân su có tên là :**
134. Phương pháp Mickulicz
135. Phương pháp Noblett
136. Phương pháp Bishop-koop
137. Phương pháp Rhoads
138. Phương pháp Kieswetter
139. **Trong điều trị triệt để bệnh Hirschsprung người ta thường áp dụng phẫu thuật** :
140. Swenson
141. Bishop-koop
142. Noblett
143. Kiesewetter
144. Rhoads
145. **Thiếu các hạch phó giao cảm ở đám rối thần kinh Meissner và Auerback của trực tràng là nguyên nhân gây nên bệnh :**
146. Hirschsprung
147. Tắc ruột phân su
148. Hội chứng nút nhầy phân su
149. Viêm phúc mạc bào thai
150. Tắc ruột do dính
151. **Thiểu năng tụy tạm thời gây tình trạng táo bón và ứ đọng phân su là nguyên nhân gây nên bệnh** :
152. Hirschsprung
153. Tắc ruột phân su
154. Hội chứng nút nhầy phân su
155. Viêm phúc mạc bào thai
156. Tắc ruột do dính
157. **Sinh thiết trực tràng qua đường hâu môn rất cần thiết để chẩn đoán xác định :**
158. Bệnh Hirschsprung
159. Bệnh tắc ruột phân su
160. Hội chứng nút nhầy phân su
161. Bệnh Mucoviscidose
162. Bệnh viêm phúc mạc bào thai
163. **Hình ảnh X quang điển hình của viêm phúc mạc bào thai là :**
164. Mức hơi nước điển hình
165. Hình quai ruột giãn
166. Hình bụng mờ đều, ruột non co cụm lại
167. Hình bọt xà phòng ở hố chậu phải
168. Hình phễu ở đoạn sigma-trực tràng trên phim cản quang đại tràng
169. **Hậu môn nhân tạo trong điều trị bệnh Hirschsprung theo phương pháp 3 thì thường được chọn làm ở vị trí:**
170. Manh tràng
171. Đại tràng lên
172. Đại tràng ngang bên phải
173. Đại tràng ngang bên trái
174. Đại tràng sigma
175. **Trong các phẫu thuật điều trị triệt để bệnh Hirschsprung. Phẫu thuật nào không chừa lại một phần đoạn vô hạch**:
176. Phẫu thuật Swenson
177. Phẫu thuật Duhamel
178. Phẫu thuật Soave
179. Phẫu thuật Rebein
180. Phẫu thuật Lynn
181. **Thời gian gần đây, tỷ lệ tử vong sau phẫu thuật của tắc ruột sơ sinh đã giảm nhiều nhờ vào những lý do nào:**
182. Sự tiến bộ trong lĩnh vực gây nhi
183. Sự tiến bộ trong lĩnh vực hồi sức và hậu phẫu nhi
184. Sự tiến bộ trong phẫu thuật nhi
185. Sự tiến bộ trong vấn đề chẩn đoán sớm
186. Tất cả lý do trên
187. **Trong chẩn đoán siêu âm bào thai, dấu hiệu gợi ý của tắc ruột sơ sinh là:**
188. Dãn các quai ruột bào thai
189. Dãn nở khoang nhau thai
190. Dãn nở cuống rốn thai nhi
191. Dãn nở hệ thống đường mật thai nhi
192. Dãn nở hệ thống tĩnh mạch nhau thai.
193. **Dấu hiệu "bụng xẹp" rất đặc thù để chẩn đoán cho tắc ruột sơ sinh thuộc thể:**
194. Tắc tá tràng
195. Tắc hỗng tràng
196. Tắc hồi tràng
197. Tắc đại tràng phải
198. Tắc đại tràng trái
199. **Để chẩn đoán lâm sàng tắc ruột sơ sinh, thăm trực tràng không có phân su mà chỉ có các kết thể nhầy trắng là triệu chứng có giá trị để hướng tới:**
200. Tắc ruột do dính
201. Teo ruột
202. Tắc ruột do bệnh Hirschsprung
203. Tắc ruột do viêm phúc mạc bào thai
204. Tắc ruột do hội chứng nút nhầy phân su
205. **Bệnh cảnh tắc ruột sơ sinh kết hợp với tràn dịch tinh hoàn 2 bên ở bé trai cho gợi ý chẩn đoán nguyên nhân:**
206. Tắc ruột do dính
207. Teo ruột
208. Tắc ruột do bệnh Hirschsprung
209. Tắc ruột do viêm phúc mạc bào thai
210. Tắc ruột phân su.
211. **Phương pháp cắt nối ruột bên bên có dẫn lưu cả hai đầu trong điều trị teo ruột bẩm sinh có tên là**:
212. Phương pháp Bishop-koop
213. Phương pháp Santulli
214. Phương pháp Mickulicz
215. Phương pháp Hartmann
216. Phương pháp Noblett
217. **Nghiệm pháp "mồ hôi" thử nồng độ NaCl trong mồ hôi giúp chẩn đoán bệnh:**
218. Teo ruột bẩm sinh
219. Mucoviscidose
220. Viêm phúc mạc bào thai
221. Hội chứng nút nhầy phân su
222. Tắc ruột do dây chằng
223. **Trong tắc ruột phân su, các kết thể phân su tập trung chủ yếu ở phần nào của ruột:**
224. Hỗng tràng đoạn đầu
225. Hỗng tràng đoạn giữa
226. Hồi tràng đoạn giữa
227. Hồi tràng đoạn cuối
228. Đại tràng lên
229. **Trong điều trị tắc ruột sơ sinh, phương pháp mổ tạo hình ruột bằng cách rạch dọc và khâu ngang thường áp dụng trong trường hợp:**
230. Tắc ruột do dính
231. Tắc ruột do teo gián đoạn
232. Tắc ruột do màng ngăn niêm mạc
233. Tắc ruột do teo có dây xơ
234. Tắc ruột do dây chằng
235. **Trong các nguyên nhân gây tắc ruột sơ sinh, thể tắc ruột do bệnh Hirschsprung chiếm tỷ lệ từ**:
236. 30-40%
237. 50-60%
238. 70-80%
239. 81-90%
240. > 90%
241. **Teo ruột được xếp vào nhóm tắc ruột sơ sinh do nguyên nhân ngoại lai**:
     1. Đúng
     2. Sai
242. **Tắc ruột sơ sinh do nút nhầy phân su cần có chỉ định phẫu thuật sớm:**
     1. Đúng
     2. Sai
243. **Trong điều trị ngoại khoa thủng ruột bào thai, phẫu thuật viên thuờng chọn phương pháp dẫn lưu lỗ thủng đơn thuần**:
244. Đúng
245. Sai
246. **Phẫu thuật nối ruột bên-bên thường gây ứ đọng nên các phẫu thuật viên nhi rất ít dùng trong điều trị tắc ruột sơ sinh**:
247. Đúng
248. Sai
249. **Phẫu thuật nối ruột tận-bên có dẫn lưu đầu dưới được dùng nhiều để điều trị tắc ruột phân su:**
250. Đúng
251. Sai